

Kể từ tháng 6.1996, trong 4 tháng liền, giá có khuynh hướng âm, *Thời Báo Ngân Hàng* viết: "Họ... (các doanh nhân) kêu trời vì ế ẩm", vấn đề mĩ lực quần chúng nhân dân giảm là một trong những vấn đề khó giải quyết của nền kinh tế Việt Nam. Chúng tôi thiết tưởng rằng, muốn giải quyết được vấn đề này, phải đứng trên bình diện lý thuyết trước, rồi từ lý thuyết tiến sang địa hạt kinh tế thực hành sau.

I TRÊN BÌNH DIỆN LÝ THUYẾT

1. Các nhà kinh tế học cổ điển:

Đối với các nhà kinh tế học cổ điển, Cung luôn luôn bằng với Cầu trên nền kinh tế thị trường nên không thể nào có kinh tế khủng hoảng hay việc "mĩ lực quần chúng nhân dân giảm". Họ vẽ 2 trục đứng và nằm: trục đứng diễn tả Giá, trục nằm Sản lượng, 2 khúc tuyến Cung, Cầu, và lý giải việc "không thể nào có kinh tế khủng hoảng được" vì lý do như sau: Giá tăng thì Sản lượng hay số Cung tức nhiên cũng tăng. Nhưng Giá tăng thì Cầu giảm. Khúc tuyến Cung có khuynh hướng tăng, còn khúc tuyến Cầu có khuynh hướng giảm khi giá tăng, tất nhiên 2 khúc tuyến này phải gặp nhau ở điểm nào đó. Điểm này diễn tả tình hình thỏa mãn tối đa có thể đạt được: vì nếu người tiêu dùng chưa được thỏa mãn, họ sẽ tăng giá lên, như vậy sản xuất sẽ tăng thêm. Còn nếu như người sản xuất thấy giá trên thị trường cao hơn giá thành, họ sẽ tăng sản xuất thêm, làm cho Cung tăng và làm cho Giá hạ xuống. Như vậy, điểm gặp nhau giữa 2 khúc tuyến Cung Cầu diễn tả điểm toàn dụng nhân công, sung dụng tài nguyên, phần vịnh tối đa mà nền kinh tế quốc gia có thể đạt được.

Lý thuyết này được coi là viên đá tảng của "nền kinh tế thị trường", nhưng nó có thể sai trong nhiều trường hợp. Thứ nhất là : nền kinh

tế thế giới phân chia ra các nước phát triển và các nước kém mở mang. Tại các nước kém mở mang, cần phân biệt Cung hàng nội hóa và Cung hàng nhập khẩu. Hàng nội hóa do kỹ thuật xấu, mĩ mốt lạc hậu và hoạt động nông nghiệp chiếm phần chính yếu, nên thành phần gồm chủ yếu là nông khoáng sản, lương thực, thực phẩm, nhắm vào thỏa mãn các nhu cầu cấp thấp. Còn hàng nhập khẩu gồm hàng tiêu dùng cao cấp, nhắm vào việc thỏa mãn nhu cầu cấp cao. Trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam, trong điều kiện tỷ giá thấp, giá hàng ngoại sẽ rẻ, do đó Cầu trong nước sẽ hướng về

công nghiệp non trẻ ở các xứ đang công nghiệp hoá". Thứ hai là các nhà sản xuất không thể biết Cầu tương lai, Giá tương lai biến chuyển như thế nào mà lại căn cứ vào Cung hiện tại và Giá hiện tại để quyết định nhập khẩu, sản xuất hay đầu tư. Thí dụ: năm 1995, giá đường mía tăng: các nhà nhập khẩu ồ ạt nhập khẩu đường mía, trong khi nông dân tăng mạnh diện tích trồng mía. Kết quả: đầu vụ mía 1996, trên thị trường còn tồn hơn 200.000 tấn đường mía nhập, giá mía ở nhiều nơi chỉ còn 70-80 đồng/kg khiến cho nông dân bị lỗ nặng. Để giải quyết tình hình xấu trên đây,

nhà nước cho lập hàng loạt nhà máy đường, nhưng năm 1997, nông dân căn cứ theo giá mía giảm năm 1996, không dám trồng mía nhiều. Kết quả, các nhà máy đường thiếu mía hoạt động ngay từ tháng 4 năm 1997 trong khi năm 1996 các nhà máy đường đã chạy suốt tháng 5 vẫn không mua kịp mía của nông dân. Như vậy, có thể kết luận rằng số Cung hiện nay do giá và số Cầu năm trước hay thời gian trước ấn định, khác với giá và số Cầu hiện nay. Điều này khiến cho Cung Cầu hiện nay không gặp nhau đúng điểm thỏa mãn tối đa của thời gian hiện nay, mà của thời gian trước, khiến cho nền kinh tế trải qua các thời kỳ "quá rét" hay "quá nóng".

Ngoài ra, khuynh hướng tăng nhập khẩu các hàng tiêu dùng cao cấp nước ngoài gây khủng hoảng thường xuyên cho các nền kinh tế các nước kém mở mang, (vì làm cho tiền

ngoại tệ di chuyển ra nước ngoài) và làm tăng nợ quốc tế rất nhanh.

Như vậy, lý luận của các kinh tế gia cổ điển, chứng minh rằng "Không thể nào xảy ra khủng hoảng", không có tính lô gích 100%. Trên thực tế, ai cũng nhận thấy rằng nền kinh tế các nước theo kinh tế thị trường đều trải qua các giai đoạn khủng hoảng và phần vịnh nối tiếp nhau.

NHỮNG GIẢI PHÁP KÍCH THÍCH NHU CẦU, TĂNG CƯỜNG SỨC MUA

TS. LÊ KHOA



hàng ngoại hơn hàng nội. Vậy đem thỏa mãn tối đa vẫn có, nhưng chỉ có đối với các nhà nhập khẩu và các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu sang Việt Nam ở nước ngoài, không phải là "điểm thỏa mãn tối ưu" đối với các doanh nghiệp Việt Nam, công nhân Việt Nam hay nói chung đối với nền kinh tế Việt Nam. Vì vậy, nhà kinh tế gia Frédéric List đã đề nghị "chế độ bảo vệ đối với các nền

Do đó, cần phải có chính sách chống đình trệ, tăng mãi lực của quần chúng nhân dân, chính sách giá cao có lợi cho người sản xuất (vì giá cao thúc đẩy sản xuất, làm tăng doanh thu và lợi nhuận)

2. Mác và Keynes

Mác nhận xét rằng nền kinh tế thị trường tuy có khả năng tăng sản xuất, nhưng không giải quyết được nạn bần cùng hóa, do khuynh hướng bóc lột tối đa giá trị thặng dư: tiền lương công nhân thấp hơn giá trị những hàng hóa do họ tạo ra nên giai cấp công nhân không có đủ mãi lực để mua những hàng hóa do chính họ tạo ra. Mác cũng phân tích nền kinh tế quốc gia thành 2 khu vực: KV sản xuất các máy và thiết bị (KVI) và KV sản xuất hàng tiêu dùng (KV II). Mác nhận thấy KV I ở các nước phát triển rất mở mang, còn ở các nước chậm tiến thì KV I hầu như chưa phát triển. Nhận xét này rất đúng: ở Việt Nam hiện nay, KV I còn rất yếu.

Keynes là nhà kinh tế học bên vực chủ nghĩa tư bản, nhưng lại có một số quan điểm rất giống Mác. Keynes phân biệt Cầu tư bản hay máy móc, xi măng, sắt thép v.v.... để thực hiện các dự án đầu tư: xây nhà máy mới, lập đường xá, cầu cống mới, và Cầu hàng tiêu dùng. Rõ ràng rằng

trình đại đầu tư, nếu thiếu tiền cứ vay ngân hàng.... Keynes kiến nghị nên có một đồng bạc từ từ mất giá, tuyệt đối không nên giữ giá tiền nội cao. Quy mô các chương trình đại đầu tư phải đủ lớn thì mới khắc phục được đình trệ.

Lý luận Keynes được các nhà kinh tế ở các nước tư bản phát triển hoan nghênh, nhưng họ chỉ áp dụng có chừng mực mà thôi, vì lý do Keynes khuyến cáo nhà nước đứng ra làm kinh tế và đại đầu tư, trong khi các nhà tư bản chủ trương nhà nước không nên làm kinh tế và đầu tư mà nên dành việc này cho các doanh nghiệp tư nhân. Thật ra, Keynes rất đề dặt khi đưa ra các đề nghị đại đầu tư: ông khuyến cáo nhà nước chỉ nên đầu tư làm hạ tầng cơ sở, các đập nước, nhà máy điện, xa lộ, tóm lại các dự án tốn nhiều tiền, tạo nhiều công ăn việc làm và sinh lợi ít, còn lãnh vực làm hàng tiêu dùng cao cấp có lợi nhuận cao được dành cho tư nhân. Ở ta, mấy năm gần đây, đầu tư chủ yếu do nước ngoài tài trợ, nên phần lớn đầu tư nhà nước tập trung trong lãnh vực hạ tầng cơ sở, còn lãnh vực "hàng tiêu dùng cao cấp" dành cho đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp Việt Nam không đủ vốn để cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài.

Để kết luận; chúng ta thấy có

gian đã qua, khiến cho nền kinh tế trải qua những cơn quá rét hay quá nóng,

- Đầu tư có quy mô thấp, không đủ để tạo toàn dụng nhân công,

- Tỷ giá thấp, ngân hàng chủ trương chống lạm phát, không áp dụng chính sách đồng bạc từ từ mất giá, do đó nhập khẩu, đặc biệt là nhập khẩu hàng tiêu dùng có khuynh hướng tăng mạnh, Hải quan chưa ngăn chặn được hàng nhập khẩu lậu v.v....

Do đó, phải đổi mới các chính sách trên thì mới có thể nâng cao mãi lực quần chúng nhân dân, tạo toàn dụng nhân công như sau:

II. KINH TẾ THỰC HÀNH: CHÍNH SÁCH TOÀN DỤNG NHÂN CÔNG, NÂNG CAO MÃI LỰC QUẦN CHÚNG, HƯỚNG MÃI LỰC NÀY VÀO HÀNG NỘI

1. Chính sách tung tiền tài trợ khu vực I Việt Nam

Các nước phát triển có một KVSX I rất mở mang, còn ở Việt Nam, không những khu vực I không phát triển mà khu vực này còn không nhận được nhiều đơn đặt hàng từ các Bộ và các doanh nghiệp trong nước. Thí dụ như Bộ Nông nghiệp có lúc đã đặt mua các nhà máy làm đường cũ của Trung Quốc thay vì có đơn đặt hàng các nhà máy cơ khí Việt Nam làm ra những nhà máy đường này. Đã xảy ra trường hợp một số máy của Trung Quốc quá cũ, không chạy được, phải nhờ các nhà máy cơ khí ở TP Hồ Chí Minh gia công lại (Như vậy, tại sao không đặt các nhà máy cơ khí tại TP.HCM làm các máy này, mà chỉ giao cho họ việc sửa chữa những máy hư?). Năm 1997, công suất các nhà máy thép của ta lên đến 1,7 triệu tấn, còn xi măng 10 triệu tấn. Thế nhưng sản xuất chỉ đạt hơn phân nửa công suất này, tỷ như ngành xi măng lò quay 5,6 triệu tấn, lò đứng 1,7 triệu tấn, tổng cộng 7,3 triệu tấn, công suất nhà máy "dư thừa" là 2,7 triệu tấn. Trong ngành sắt thép, sản lượng thép cán và dây đạt gần 1 triệu tấn, như vậy công suất dư thừa trên 0,7 triệu tấn. Năm 1988, sẽ có thêm 3 nhà máy lớn có công suất trên 1 triệu tấn xi măng được đưa vào sản xuất: Bút Sơn, Sao Mai, Hòn Chông (Kiên Giang). Vì vậy các nhà sản xuất xi măng đang lo ngại rằng năm 1988 công suất dư thừa của ngành xi măng sẽ lên đến 5 triệu tấn.

Để tiêu thụ hết số sắt và xi măng, rõ ràng rằng cần phải thay đổi chính sách "lên giá tiền ta - chống lạm phát" bằng chính sách tung tiền và đặt đơn mua hàng, yêu cầu các doanh nghiệp cơ khí Việt Nam cung cấp vật tư để hoàn thành các dự án xây cầu Cần Thơ, cảng Vũng Tàu, Cam Ranh, hàng loạt khu chế xuất, khu công nghiệp, khu nhà ở, hàng



Cầu tư bản biến chuyển rất thất thường: gặp thời kỳ "mãi lực giảm" như tại Việt Nam hiện nay, ai là người dám đầu tư: mua nhà đất, lập thêm các doanh nghiệp mới? Do đó Keynes đi đến kết luận: "Nếu để tự nhiên: Cung và Cầu không nhất thiết gặp nhau ở điểm thỏa mãn tối đa, toàn dụng nhân công, sung dụng tối ưu tài nguyên". Và Keynes mạnh dạn đi đến kinh tế thực hành: ngân hàng nên tung tiền tài trợ đầu tư với lãi suất thấp, nhà nước nên có chương

những nguyên nhân sau đây khiến cho Cung và Cầu không gặp nhau ở điểm "toàn dụng nhân công - thỏa mãn tối đa người sản xuất nội và thỏa mãn nhu cầu tìm việc làm của công nhân":

- Cầu ở Việt Nam hướng về hàng tiêu dùng nhập khẩu hơn là hàng sản xuất trong nước,

- Cung hàng nhập khẩu, hàng tiêu dùng trong nước không được *Giá* và *Cầu* thời gian sắp tới quy định, mà chịu ảnh hưởng *Giá* và *Cầu* trong thời

loạt nhà máy do chúng ta tự sản xuất lấy chứ không phải nhập khẩu từ ngoại quốc.

Với chính sách nhà nước và ngân hàng tung tiền, có đơn đặt hàng cho các doanh nghiệp sắt thép xi măng Việt Nam, thì xi măng và sắt thép sẽ bán chạy ngay. Hàng nhiều vạn công nhân sẽ tìm được việc làm. Hàng vạn sinh viên ra trường sẽ tìm được việc làm trong các nhà máy cơ khí, xây lắp Việt Nam. Nên lưu ý rằng "thị trường tư bản" có quy mô rất lớn vì tổng đầu tư hiện nay ở Việt Nam khoảng 17-20% GDP, nếu tính GDP Việt Nam 1997 là 26,1 tỷ USD, thì 20% GDP là 5,22 tỷ USD! Như vậy KV I là một thị trường rất lớn cần phải ưu tiên dành cho các nhà máy cơ khí Việt Nam. Chỉ có những loại máy và thiết bị không thể sản xuất được ở Việt Nam, hay sản xuất không kịp trước nhu cầu trang bị khẩn trương nên mới phải mua ở nước ngoài. Nếu chúng ta muốn đưa đầu tư Việt Nam lên trên 30% GDP, tỷ như đầu tư Việt Nam là 40% GDP hay 10,22 tỷ USD, bắt buộc phải dùng máy Việt Nam, chứ không thể nào có đủ ngoại tệ đủ để nhập khẩu một số máy, có trị giá lớn như trên và phải thanh toán cho nước ngoài bằng ngoại tệ. Vậy phải chuyển lý luận Mác và Keynes từ địa hạt lý thuyết sang địa hạt thực hành, cụ thể là áp dụng chính sách tiền mề, phát hành thêm tiền và tung tiền cho KV I Việt Nam. Như vậy, sẽ thực hiện được toàn dụng nhân công và gia tăng được mãi lực cho giai cấp công nhân Việt Nam.

2. Chính sách hạn chế nhập khẩu và tự sản xuất lấy mọi thứ mà mình có khả năng sản xuất được

Chúng ta đã có một đàn bò sữa khá đông, thậm chí những bò sữa ấy chỉ mới đáp ứng được khoảng 10% nhu cầu của các nhà máy sữa, vậy tại sao lại nhập khẩu sữa ngoại, để cho ngành nuôi bò sữa của ta bị khựng lại? Có ý kiến rằng "vì lẽ giá sữa ngoại rẻ hơn sữa nội", nhưng người Nhật đảm bảo cho nông dân họ giá 1500 USD 1 tấn gạo, trong khi chúng ta xuất khẩu giá năm 1997 dưới 250 USD/tấn, nhưng họ không mua gạo Việt Nam, vì không muốn cho nông dân của họ bị phá sản vì bị gạo Việt Nam cạnh tranh. Cũng như người Nhật, chúng ta cần phải có chính sách bảo vệ bò

sữa Việt Nam, bông vải Việt Nam, không nhập khẩu nho, táo từ nước ngoài.

3. Chính sách tự làm lấy các loại hàng tiêu dùng cao cấp

Việc sản xuất các mặt hàng này cũng không có gì khó khăn cho lắm. Tại TP.HCM, hầu hết các bộ phận của xe gắn máy đã được sản xuất, nay chỉ cần cấm nhập khẩu hay giảm nhập khẩu khiến cho giá xe gắn máy và phụ tùng tăng là các nhà máy cơ khí trong nước "sẽ mở hết ga" để sản xuất các sản phẩm này. Tương tự như trên đối với các hàng tiêu dùng cao cấp khác: thay vì nhập khẩu, chúng ta chỉ nhập máy làm ra các sản phẩm này, rồi tự sản xuất lấy tất cả để tiêu dùng và luôn tiện, xuất khẩu ra xứ ngoài để có thêm ngoại tệ.

III. CHÍNH SÁCH ĐỒNG BỘ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ, BỘ THƯƠNG MẠI, BỘ CÔNG NGHIỆP, NGÂN HÀNG VÀ HẢI QUAN

Mục tiêu của nền kinh tế nước ta là công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Vậy làm sao thực hiện được chương trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế quốc gia?

Tất nhiên, chúng ta không thể trong thời gian ngắn 1 năm mà làm được tất cả. Ở Nhật và Hàn quốc, mỗi năm, họ lập một số dự án: gọi là chương trình canh tân nền kinh tế quốc gia. Họ tập trung ưu tiên nguồn ngoại tệ, tri thức kỹ thuật, mặt bằng v.v.... để thi hành dứt điểm các chương trình này, rồi năm tới sẽ lập những chương trình nối tiếp có nhiều tham vọng hơn.

Ở ta cũng vậy. Chúng ta cần ấn định mỗi năm sẽ lập thêm một số nhà máy để tự sản xuất lấy một số mặt hàng chưa sản xuất được tại Việt Nam. Thí dụ : năm 1998 Việt Nam sẽ tập trung nhân, vật, tài lực để giải quyết dứt điểm việc tự sản xuất lấy

một số xe gắn máy. Ngân hàng cấp ngoại tệ để nhập khẩu các loại máy cần thiết chưa chế tạo được ở Việt Nam, Bộ Thương mại giảm nhập khẩu xe gắn máy để giá tăng lên, các doanh nhân được khuyến khích lập nhà máy sản xuất xe gắn máy, Hải quan sẽ kiểm soát gắt gao việc nhập lậu xe gắn máy khiến cho việc đầu tư trong ngành sản xuất xe gắn máy trở nên rất có lợi.

Sau khi giải quyết được việc sản xuất hàng loạt xe gắn máy, chúng ta sẽ tiến đến các chương trình hiện đại hoá, công nghiệp hoá cao hơn, tỷ như sản xuất xe ô tô, máy điều hòa không khí. Như vậy, từng bước một, mỗi năm nền kinh tế Việt Nam mỗi thay đổi về lượng và luôn cả về chất

IV. TIẾN ĐẾN MỘT MÔ HÌNH KINH TẾ ĐỘC LẬP VỀ KỸ THUẬT, VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU, KHÔNG LỆ THUỘC NƯỚC NGOÀI

Thật ra, trên thế giới, không có nước nào tự cung tự cấp được 100%. Và nếu mọi quốc gia trên thế giới làm như vậy, thì kinh tế thế giới sẽ không hòa nhập với nhau, và mỗi nước sẽ không chuyên môn hóa trong những địa hạt "thế mạnh" của mình.

Song cũng không nên quên rằng trên thị trường thế giới, ngoài những tương quan giúp đỡ, viện trợ, chuyển giao kỹ thuật, còn có những tương quan khác còn cần phải đổi mới - như gạo Việt Nam chưa vào được thị trường Nhật trong khi xe gắn máy Nhật tràn ngập thị trường Việt Nam - hoặc các tương quan dumping (bán phá giá), tương quan nâng giá lên thật cao. Nói chung, các nước xuất khẩu nông khoáng sản luôn luôn bị thiệt, giá rẻ và bấp bênh, trong khi giá các sản phẩm công nghiệp thì cao và ổn định hơn nhiều.

Mục tiêu không phải là tiến đến hoàn toàn một nền kinh tế "độc lập 100 % về kỹ thuật, về nguyên vật liệu, không lệ thuộc nước ngoài", mà phải giảm bớt phần nào việc lệ thuộc quá đáng về kỹ thuật, về mặt hàng cao cấp, và bớt các tương quan bất bình đẳng và thay vào là các tương quan hợp tác và phân công có lợi cho cả nhiều bên chứ không phải một chiều. Có vậy Việt Nam mới công nghiệp hoá, hiện đại hoá được, và từ đó mới nâng cao được mãi lực quần chúng nhân dân

